

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-PT

Ngày 25 -02-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2018/TLPT-DS ngày 20-12-2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Đoàn Văn K - Sinh năm 1960 và bà Trần Thị H - Sinh năm 1965; cùng địa chỉ cư trú: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Lại Văn T - Sinh năm 1954 và bà Trần Thị T - Sinh năm 1959; cùng địa chỉ cư trú: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25-9-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông K, bà H, ông T, bà T đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-5-2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là ông Đoàn Văn K và bà Trần Thị H đều trình bày: Vợ chồng ông K, bà H với vợ chồng ông Lại Văn T, bà Trần Thị T là người cùng xóm và còn có quan hệ anh em với nhau nên ngày 30/11/2015 vợ chồng ông K, bà H đã cho vợ chồng ông T bà T vay số tiền 125.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận. Hai bên thỏa thuận miệng không tính lãi, khi nào cần lấy thì báo cho ông T, bà T sẽ trả. Khi vay thì hai vợ chồng ông T, bà T đến hỏi vay tiền của vợ chồng ông K, bà H. Đến tháng 12/2015 thì vợ chồng ông K, bà H yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả số tiền đã vay nhưng ông T, bà T nói bị vỡ nợ và trả dần tính đến ngày 03/5/2018 ông T, bà T đã thanh toán trả cho vợ chồng ông được 26.806.000 đồng còn lại 98.194.000 đồng thì không trả. Nay ông K, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà T phải trả cho vợ chồng ông K, bà H số tiền vay còn nợ là 98.194.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi. Việc ông T, bà T khai vợ chồng ông đem tiền đến nhờ vợ chồng ông T, bà T làm lãi xuất với mức lãi 36%/năm là không đúng và vợ chồng ông T, bà T xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng thì vợ chồng ông K, bà H không chấp nhận.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn là ông Lại Văn T và bà Trần Thị T đều trình bày:

Năm 2015 vợ chồng ông T, bà T có vay của vợ chồng ông Đoàn Văn K, bà Trần Thị H số tiền là 125.000.000 đồng. Khi vay thì vợ chồng ông K, bà H mang tiền đến nhà ông nhờ làm lãi xuất và tính lãi 36%/năm. Khi đó vợ chồng ông có viết giấy biên nhận và không xác định thời hạn trả nợ. Sau đó vợ chồng ông làm ăn thua lỗ nên ông K, bà H đã đòi khoản tiền gốc vay, còn tiền lãi thì không lấy. Vợ chồng ông đã thanh toán cho vợ chồng ông K, bà H được 26.806.000 đồng, còn nợ 98.194.000 đồng. Nay vợ chồng ông K, bà H yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền gốc vay là 98.194.000 đồng và không tính lãi thì ông xác định vợ chồng ông làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông xin tiền lãi còn tiền gốc vay thì trả dần cho vợ chồng ông K, bà H mỗi năm là 10.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Căn cứ các Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đoàn Văn K và bà Trần Thị H. Buộc vợ chồng ông Lại Văn T và bà Trần Thị T phải trả cho vợ chồng ông Đoàn Văn K và bà Trần Thị H số tiền vay còn nợ là 98.194.000 đồng (chín mươi

tám triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, lãi suất chậm trả do chậm thi hành bản án và biện pháp thi hành án.

Ngày 25-9-2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định ra quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm với nội dung:

Căn cứ nội dung khởi kiện của vợ chồng ông K, bà H chỉ yêu cầu vợ chồng ông T, bà T phải trả ông bà 98.194.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn cũng xác định vay vợ chồng ông K, bà H số tiền 98.194.000đ tiền gốc và xin trả mỗi năm 10.000.000đ. Theo đó cần xác định mối quan hệ pháp luật trong vụ án này “Đòi lại tài sản cho mượn” mới phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là chưa chính xác.

Từ việc xác định mối quan hệ pháp luật chưa phù hợp dẫn đến bản án sơ thẩm quyết định miễn án phí cho ông T, buộc bà T phải nộp 2.454.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm là chưa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự và không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. “Đối với tranh chấp về đòi tài sản cho mượn, cho ở nhờ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch”, vợ chồng ông T và bà T chỉ phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25-9-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và án phí dân sự không giá ngạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Vợ chồng ông Đoàn Văn K, bà Trần Thị H, vợ chồng ông Lại Văn T, bà Trần Thị T vắng mặt nên không có ý kiến sửa đổi, bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn. Về tính án phí dân sự không có giá ngạch, đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ kháng nghị, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, xét thấy vợ chồng ông K, bà H, vợ chồng ông T, bà T đã có lời trình bày lưu tại hồ sơ vụ án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông K, bà H vợ chồng ông T, bà T. Tòa án cấp sơ thẩm còn có những thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm như hồ sơ vụ án không có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không có thủ tục thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

[2] Về nội dung: Giao dịch vay tài sản được thực hiện trước ngày 01-01-2017 nhưng nội dung và hình thức của giao dịch trên đều phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật năm 2015.

[3] Xét nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Nam Định theo thứ tự về quan hệ pháp luật tranh chấp và án phí thấy rằng: Do xuất phát từ mối quan hệ còn có anh em họ hàng với nhau nên vợ chồng ông K, bà H tin tưởng mới cho vợ chồng ông T, bà T vay tiền mà không lấy lãi. Nội dung của hợp đồng vay tiền giữa vợ chồng ông K, bà H với vợ chồng ông T, bà T được thể hiện bằng giấy vay tiền ngày 30/11/2015 giữa hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông K, bà H trình bày có cho vợ chồng ông T, bà T vay tiền số tiền 125.000.000 đồng, hai bên có viết giấy biên nhận, đến ngày 03/5/2018 thì vợ chồng ông T, bà T đã trả cho vợ chồng ông K, bà H được 26.806.000 đồng, còn nợ lại 98.194.000 đồng đến nay chưa thanh toán trả nợ, vợ chồng ông T, bà T cũng công nhận có vay số tiền 125.000.000 đồng của vợ chồng ông K, bà H và đã trả được 26.806.000 đồng, hiện còn nợ lại 98.194.000 là hoàn toàn đúng sự thật, vấn đề này không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra còn được chứng minh bằng giấy vay tiền ngày 30/11/2015, biên bản lấy lời khai của ông T, bà T ngày 04/5/2018 và sổ ghi chép thanh toán trả nợ do vợ chồng ông T, bà T giao nộp bản sao cho Tòa án cấp sơ thẩm nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản không có lãi là đúng, viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kháng nghị xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là đòi lại tài sản cho mượn là không đúng.

[4] Do xác định đúng quan hệ pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí có giá ngạch là phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng nghị của viên kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định xác định bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là không có cơ sở. Theo pháp lệnh người cao tuổi, ông T là người cao tuổi nên không phải nộp án phí, bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự không có kháng cáo, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên các bên đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.
Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; 466; 469; 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đoàn Văn K và bà Trần Thị H. Buộc vợ chồng ông Lại Văn T và bà Trần Thị T phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho vợ chồng ông Đoàn Văn K và bà Trần Thị H số tiền vay còn nợ là 98.194.000 đồng (chín mươi tám triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Đoàn Văn K và bà Trần Thị H, vợ chồng ông Lại Văn T và bà Trần Thị T không phải nộp án phí phúc thẩm.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị T phải nộp 2.454.850 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Đoàn Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số: BB/2012/06297 ngày 02/5/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nghĩa Hưng;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lại Văn Tùng